

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: Canxi Clorua ngậm 6 nước

Mã CAS: 7774-34-7

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Canxi Clorua ngậm 6 phân tử nước
- Tên khác:** Calcium Chloride hexahydrate, $\text{CaCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$
- Công thức phân tử:** $\text{CaCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$
- Sử dụng đã định:** Hóa chất phòng thí nghiệm, chất hút ẩm, chống đông, xử lý nước, phụ gia thực phẩm
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**
 - Tên công ty:** Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
 - MST:** 0314051291
 - Địa chỉ:** 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - SĐT khẩn cấp:** 0909.907.861 (giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - Gây kích ứng mắt – Nhóm 2A
 - Gây kích ứng da nhẹ – Nhóm 3
- Từ cảnh báo:** CẢNH BÁO
- Câu cảnh báo nguy hại:**
 - H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
 - H315: Gây kích ứng da nhẹ
- Câu phòng ngừa:**
 - P264: Rửa sạch tay sau khi sử dụng
 - P280: Đeo găng tay và kính bảo hộ
 - P305+P351+P338: Nếu dính vào mắt, rửa kỹ với nước vài phút

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên hóa chất:** Canxi Clorua ngậm 6 phân tử nước
- Công thức:** $\text{CaCl}_2 \cdot 6\text{H}_2\text{O}$
- Tỷ lệ:** $\geq 95\%$
- Mã CAS:** 7774-34-7

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải:** Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, hỗ trợ y tế nếu cần
- Tiếp xúc da:** Rửa kỹ với nước và xà phòng
- Tiếp xúc mắt:** Rửa liên tục với nước trong ít nhất 15 phút
- Nuốt phải:** Uống nhiều nước, không gây nôn, liên hệ cơ sở y tế ngay

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Tính dễ cháy:** Không dễ cháy
- Chất chữa cháy phù hợp:** Nước, CO_2 , bọt, bột khô
- Trang bị bảo hộ:** Mặt nạ lọc hóa chất, quần áo chống cháy
- Sản phẩm cháy:** Canxi oxit, khí clorua độc (nếu phân hủy ở nhiệt độ cao)

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh hít bụi, đeo găng tay, kính, khẩu trang
- Biện pháp môi trường:** Không thải ra cống rãnh hoặc nguồn nước tự nhiên

- **Phương pháp làm sạch:** Quét, gom, thu trong thùng kín có nhãn, rửa sạch khu vực bằng nước

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- **Sử dụng:** Làm việc nơi thoáng khí, hạn chế tiếp xúc trực tiếp
- **Bảo quản:** Nơi khô ráo, kín khí, tránh ẩm và nhiệt độ cao
- **Không tương thích:** Axit mạnh, kim loại (như kẽm, nhôm), anion sunfat ở nhiệt cao

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn phơi nhiễm (TWA):** Không quy định chặt chẽ (tham khảo: 10 mg/m³ bụi tổng)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - **Hô hấp:** Khẩu trang bụi nếu xử lý lượng lớn
 - **Tay:** Găng tay cao su
 - **Mắt:** Kính bảo hộ
 - **Trang phục:** Quần áo dài tay, áo phòng thí nghiệm

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Tinh thể rắn
- **Màu sắc:** Trắng
- **Mùi:** Không mùi
- **Điểm nóng chảy:** 29.5°C (ngậm 6 nước)
- **Điểm sôi:** Phân hủy trước khi sôi
- **Tỷ trọng:** ~1.71 g/cm³
- **Độ tan trong nước:** Rất tan (dễ tan sinh nhiệt)
- **Tính hút ẩm:** Mạnh (deliquescent – hút ẩm và tan chảy)

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Tính ổn định:** Ổn định trong điều kiện thường
- **Phản ứng nguy hiểm:** Sinh nhiệt mạnh khi tan trong nước
- **Tránh:** Nhiệt độ cao, acid mạnh, kim loại dễ phản ứng
- **Sản phẩm phân hủy:** Cl⁻, có thể giải phóng khí Cl₂ nếu tác dụng với acid mạnh

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 đường miệng (chuột):** ~1000 mg/kg
- **Tác động cấp tính:** Kích ứng da, mắt, có thể gây khô da hoặc phỏng rộp
- **Tác động mãn tính:** Không có bằng chứng rõ ràng về độc tính mãn tính nếu dùng đúng cách
- **Ghi chú:** Không phân loại là chất gây ung thư hoặc đột biến

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Có thể gây tăng độ mặn nước – ảnh hưởng sinh vật thủy sinh
- **Khả năng phân hủy sinh học:** Không áp dụng (muối vô cơ)
- **Tác động môi trường:** Tránh thải lượng lớn vào môi trường nước

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Chất thải:** Gom và xử lý như chất thải công nghiệp thông thường
- **Phương pháp tiêu hủy:** Theo quy định địa phương
- **Bao bì:** Rửa sạch, khử nhiễm trước khi tái sử dụng hoặc tiêu hủy

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** Không phân loại là hàng nguy hiểm theo UN
- **Tên vận chuyển:** Calcium Chloride, hydrated

- **Nhóm nguy hiểm:** Không áp dụng
 - **Quy định vận chuyển:** Theo quy định quốc gia và quốc tế (không phải hàng nguy hiểm)
-

MỤC 15: QUY ĐỊNH PHÁP LÝ

- **GHS:** Có phân loại môi nguy
 - **Danh sách kiểm soát:** Có thể có trong danh sách REACH, TSCA, hoặc tương đương
 - **Quy định Việt Nam:** Tuân thủ Nghị định 113/2017/NĐ-CP về quản lý hóa chất
-

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày cập nhật:** 07/07/2025
- **Nguồn dữ liệu:** PubChem, ECHA, Sigma-Aldrich, NIOSH
- **Khuyến cáo:** Chỉ sử dụng trong điều kiện kiểm soát, có đào tạo phù hợp
- **Ghi chú:**
 - Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
 - Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
 - Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế